TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Dân

2. Ông Đỗ Đức Nhân

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXX-ST ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1987

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Sỹ D, sinh 1987

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị T, anh D đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Vũ Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T kết hôn với Anh Bùi Sỹ D trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh D tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh D thường xuyên uống rượu, mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không từ bỏ. Ngoài ra, vợ chồng lấy nhau đã nhiều năm nhưng không có con chung nên càng khó tìm được tiếng nói chung. Tháng 7 năm 2019, Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn B, xã Q, huyện Q và sống ly thân với anh D từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nêu yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung, chị Vũ Thị T trình bày: vợ chồng không có con chung, hiện tại chị không có thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

***- Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là Anh Bùi Sỹ D trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như Chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà anh ở thôn L, xã Q, huyện Q. Thời gian gần đây, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh uống rượu, Chị T đã khuyên bảo nhiều nhưng anh chưa sửa được. Nay anh nhận thấy anh đã sai, anh hứa sẽ cố gắng sửa chữa, anh còn tình cảm với Chị T nên không đồng ý ly hôn. Nếu Chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Hiện tại vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kết quả xác minh tại cơ sở hai thôn La Triều, xã Quỳnh Sơn và thôn B, xã Q, huyện Q nơi các đương sự cư trú đều thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D là vợ chồng hợp pháp, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng, cơ sở hai thôn không nắm rõ. Tháng 7 năm 2019, Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, không chung sống cùng gia đình anh D nữa; Về con chung: Vợ chồng Chị T, anh D không có con chung; Về tài sản chung: cơ sở không rõ. Nay Chị T xin ly hôn anh D, quan điểm của cơ sở hai thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T; Chị T có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Vũ Thị T và Anh Bùi Sỹ D là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn, xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị T, anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh D thường xuyên uống rượu, Chị T đã nhiều lần khuyên giải để anh D từ bỏ rượu nhưng anh D chưa sửa được. Tháng 7/2019 Chị T đã quyết định về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân anh D từ đó đến nay. Qua hai phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh D, anh D không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào hiệu quả để hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng Chị T, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh D đều xác nhận vợ chồng không có con chung, hiện tại Chị T không có thai nghén gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn Anh Bùi Sỹ D.

2. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai số 0004109 ngày 28/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/11/2019./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã Q (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phượng